

# Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



# Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 50

Handwritten red text and markings on the right margin, including a signature and some illegible characters.

# Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính theo đăng ký của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sản xuất, phối trộn nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch	
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên	
Ông Lars Kjaer	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2023
Ông Phan Duy Hiếu	Thành viên	miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên	miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Bùi Quang Nam	Thành viên	miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Mai Xuân Trâm	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 2 năm 2023

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên
Ông Đoàn Minh Quân	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2023
Ông Phạm Đăng Long	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tháo	Giám đốc Tài chính	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Việt Hùng.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Việt Hùng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 0012117582/E-66924766-LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành công việc soát xét theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>5.973.525.300.111</b>	<b>5.690.497.686.772</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>414.135.319.357</b>	<b>472.517.240.092</b>
111	1. Tiền		270.830.501.476	148.783.815.434
112	2. Các khoản tương đương tiền		143.304.817.881	323.733.424.658
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>1.311.593.837.373</b>	<b>437.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	1.311.593.837.373	437.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.537.566.095.913</b>	<b>1.963.050.676.890</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	1.314.936.760.176	1.751.844.200.977
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	140.658.048.125	153.964.590.120
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	87.810.076.718	73.369.235.299
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(5.838.789.106)	(16.127.349.506)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>2.575.941.258.467</b>	<b>2.671.448.137.813</b>
141	1. Hàng tồn kho		2.635.163.905.631	2.740.818.278.799
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(59.222.647.164)	(69.370.140.986)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>134.288.789.001</b>	<b>146.481.631.977</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	18.157.719.723	12.146.707.888
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		113.004.140.249	125.144.222.575
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	3.126.929.029	9.190.701.514
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.380.907.656.163</b>	<b>2.256.487.239.379</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>6.240.089.231</b>	<b>6.594.260.811</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	6.240.089.231	6.594.260.811
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.280.940.238.366</b>	<b>1.299.270.028.515</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.250.422.266.859	1.268.237.079.152
222	Nguyên giá		1.899.855.967.113	1.860.781.356.037
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(649.433.700.254)	(592.544.276.885)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	30.517.971.507	31.032.949.363
228	Nguyên giá		42.342.425.707	41.436.221.357
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.824.454.200)	(10.403.271.994)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>123.819.309.440</b>	<b>71.335.093.944</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	123.819.309.440	71.335.093.944
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>234.585.060.973</b>	<b>234.121.210.920</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	14.1	232.485.004.973	232.321.182.920
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	2.100.056.000	1.800.028.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>735.322.958.153</b>	<b>645.166.645.189</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	735.322.958.153	645.166.645.189
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>8.354.432.956.274</b>	<b>7.946.984.926.151</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.236.463.977.459</b>	<b>3.197.714.713.721</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.135.763.691.310</b>	<b>3.137.335.968.693</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	1.058.878.431.739	867.329.361.539
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	27.859.859.201	22.075.400.837
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	60.831.009.171	51.905.557.784
314	4. Phải trả người lao động		1.751.805.118	3.071.681.625
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	112.118.329.146	150.861.426.794
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		360.000.000	360.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		6.110.661.566	2.773.252.925
320	8. Vay ngắn hạn	19	1.700.713.030.137	1.881.828.374.836
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	167.140.565.232	157.130.912.353
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>100.700.286.149</b>	<b>60.378.745.028</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		720.000.000	900.000.000
338	2. Vay dài hạn	19	74.289.737.533	34.904.291.251
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	19.432.177.306	18.316.082.467
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		6.258.371.310	6.258.371.310
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>5.117.968.978.815</b>	<b>4.749.270.212.430</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>5.117.968.978.815</b>	<b>4.749.270.212.430</b>
411	1. Vốn cổ phần	20.1	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	20.1	174.000.000.000	174.000.000.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	20.1	1.410.279.271	1.657.375.939
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	20.1	29.884.223.256	29.884.223.256
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.1	2.394.912.456.341	2.080.443.263.208
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		2.080.443.263.208	1.443.285.073.129
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		314.469.193.133	637.158.190.079
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20.1	811.749.039.947	757.272.370.027
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>8.354.432.956.274</b>	<b>7.946.984.926.151</b>

  
Vũ Minh Đức  
Người lập

  
Nguyễn Thảo  
Kế toán trưởng

  
Trần Việt Hùng  
Tổng Giám đốc



Ngày 25 tháng 8 năm 2023



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	5.766.535.340.188	6.155.524.635.759
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(41.559.206.564)	(10.876.131.780)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	5.724.976.133.624	6.144.648.503.979
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22, 26	(4.850.111.409.351)	(5.173.270.032.220)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		874.864.724.273	971.378.471.759
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	66.283.786.654	67.838.285.416
22	7. Chi phí tài chính	23	(76.161.806.893)	(50.593.870.428)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(70.013.300.441)	(41.393.731.012)
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	14.1	163.822.053	485.334.607
25	9. Chi phí bán hàng	24, 26	(166.968.342.807)	(193.012.184.702)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24, 26	(215.783.800.393)	(243.900.827.735)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		482.398.382.887	552.195.208.917
31	12. Thu nhập khác	25	6.221.327.104	9.171.268.039
32	13. Chi phí khác	25	(2.046.370.567)	(809.490.795)
40	14. Lợi nhuận khác	25	4.174.956.537	8.361.777.244
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		486.573.339.424	560.556.986.161
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(91.253.278.594)	(97.466.251.440)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.3	(1.116.094.839)	(1.254.924.588)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		394.203.965.991	461.835.810.133

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		328.441.353.851	401.017.349.518
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		65.762.612.140	60.818.460.615
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.4	1.856	2.273
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.4	1.856	2.273



Vũ Minh Đức  
Người lập



Nguyễn Thảo  
Kế toán trưởng




Trần Việt Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>486.573.339.424</b>	<b>560.556.986.161</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		62.328.023.796	54.064.034.106
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(20.436.054.222)	3.324.346.638
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		686.048.864	891.814.799
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(32.101.384.078)	(50.587.411.093)
06	Chi phí lãi vay	23	70.013.300.441	41.393.731.012
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>567.063.274.225</b>	<b>609.643.501.623</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		455.563.128.568	(318.706.870.873)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		105.654.373.168	(1.117.538.347.483)
11	Tăng các khoản phải trả		165.526.514.980	309.643.680.956
12	Tăng chi phí trả trước		(96.167.324.799)	(22.784.161.158)
14	Tiền lãi vay đã trả		(74.647.495.890)	(39.509.331.500)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(68.118.992.829)	(83.234.484.474)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(387.260.000)	(454.477.188)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.054.486.217.423</b>	<b>(662.940.490.097)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(105.675.703.211)	(189.929.705.720)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		2.286.363.636	60.000.000
23	Tiền chi cho vay và gửi tiết kiệm		(929.893.865.373)	-
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi tiết kiệm		55.000.000.000	256.311.185.315
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(8.700.000.000)	(224.524.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		-	243.161.002.103
27	Tiền thu lãi tiền gửi		17.551.694.960	19.016.831.072
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(969.431.509.988)</b>	<b>104.095.312.770</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	32.917.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	19	3.155.871.904.959	4.495.448.631.625
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(3.297.601.803.376)	(3.940.679.547.788)
36	Cổ tức đã trả		(1.532.310.000)	(31.165.875.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(143.262.208.417)	556.520.208.837
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(58.207.500.982)	(2.324.968.490)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		472.517.240.092	488.601.295.076
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(174.419.753)	2.637.171.386
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	414.135.319.357	488.913.497.972

  
Vũ Minh Đức  
Người lập

  
Nguyễn Thảo  
Kế toán trưởng

  
Trần Việt Hùng  
Tổng Giám đốc



Ngày 25 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính theo đăng ký của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sản xuất, phối trộn nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 1.139 (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.160).

### Cơ cấu tổ chức

Công ty có 8 công ty con trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau:

Các công ty con bao gồm:

▶ **Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")**

ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0304918352 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. ACC có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACC (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")**

AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700916876 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFI (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")**

ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính đăng ký tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long - Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACP (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

Công ty có 8 công ty con trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty con bao gồm: (tiếp theo)

▶ **Công ty Cổ phần APIS ("APIS")**

APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính đăng ký tại Lô số 18A VSIP II - A, Đường số 27, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore II - A, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")**

AHS trước đây là Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Hoa Sơn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2013, và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018. AHS có trụ sở chính tại Xóm 12, Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm giữ 67,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 65,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")**

AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AFC là sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA")**

VICTA trước đây là Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC") được thành lập theo luật doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 04 năm 2023. VICTA có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của VICTA là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm giữ 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AIC (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

Công ty có 8 công ty con trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty con bao gồm: (tiếp theo)

▶ **Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")**

ATC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502478571 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 6 năm 2022. ATC có trụ sở chính tại: Lô L, Đường Đ.20, KCN Châu Đức, Thôn Hữu Phước, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ATC là sản xuất, gia công và bán buôn cà phê.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm 99,40% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong ATC (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 99,18% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")**

ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở chính đăng ký tại #08 - 03 Tòa nhà Cecil Court, số 138 Đường Cecil, Singapore. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm giữ 96,34% tỷ lệ chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết).

▶ **Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")**

AHC trước đây là Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 10 năm 1995 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020. AHC có trụ sở chính tại Số 01, đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHC là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm giữ 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết trong AHC (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết).

Công ty liên doanh:

▶ **Công ty Cổ phần Sinh Phẩm Nature ACH ("Nature ACH")**

Nature ACH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 0316794581 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2021. Nature ACH có trụ sở chính tại Số 19, Đường 18, Khu phố 3, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của Nature ACH là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn nắm giữ 30% phần vốn chủ sở hữu trong Nature ACH (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 30% tỷ lệ sở hữu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

### *Cơ cấu tổ chức* (tiếp theo)

Công ty có 8 công ty con trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Công ty liên kết:

#### ▶ Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")

TVH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3400516059 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 4 tháng 02 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. TVH có trụ sở chính tại Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của TVH là sản xuất tảo Spirulina, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, xà phòng, thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn nắm giữ 49% phần vốn chủ sở hữu trong TVH (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 49% tỷ lệ sở hữu).

#### ▶ Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")

ACI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1101880095 do Sở KH&ĐT Tỉnh Long An cấp ngày 16 tháng 4 năm 2018 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. ACI có trụ sở chính tại Lô 3C-6, Đường số 12, KCN Long Hậu 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACI là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn nắm giữ 40% phần vốn chủ sở hữu trong ACI (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 40% tỷ lệ sở hữu).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKTVN") khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký Chung.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |   |
|---|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền  |
| Thành phẩm                                  | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động

##### *Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn nắm giữ đất này để sử dụng trong sản xuất, kinh doanh cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê và Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không thời hạn thì không khấu hao.

Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	4 - 10 năm
Tài sản khác	4 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	20 - 40 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Chi phí trả trước (tiếp theo)

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả, theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh được Tập đoàn ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

##### *Mua tài sản*

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

#### 3.11 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)*

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư vào liên doanh*

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được cần trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**Chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con hoạt động ở nước ngoài**

Báo cáo tài chính của ACC PTE được lập theo đồng tiền khác với đồng tiền VND của Tập đoàn. Báo cáo chuyển đổi của ACC PTE được xác định theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục được phân loại là tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế bình quân tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- ▶ Khoản mục vốn điều lệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày có giao dịch;
- ▶ Khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá của các khoản mục tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- ▶ Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế bình quân trong kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

Tỷ giá thực tế bình quân tại ngày kết thúc kỳ kế toán là bình quân tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty con thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá thực tế bình quân tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 23.580 VND/USD.

Tỷ giá thực tế bình quân trong kỳ kế toán được xác định dựa trên bình quân của tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty con thường xuyên có giao dịch tại đầu và cuối mỗi tháng của tất cả các tháng trong kỳ. Tỷ giá thực tế bình quân trong kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 23.532 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc chuyển đổi báo cáo được trình bày tại khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" – Mã số 417 trong vốn chủ sở hữu.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**3.18 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.19 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất và mua bán sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm, hương liệu, nguyên liệu thực phẩm, sản phẩm từ sữa, dừa, nước giải khát, thủy sản, dược phẩm, bánh kẹo và mỹ phẩm; nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Tổng Giám đốc đã định rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Tập đoàn theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Việt Nam.

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG KỲ**

*Mua thêm cổ phần trong AHS*

Vào ngày 12 tháng 5 năm 2023, Công ty đã nhận chuyển nhượng 435.000 cổ phần của AHS, tương ứng 2,00% tỷ lệ sở hữu, từ cổ đông hiện hữu với tổng giá trị là 8.700.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong AHS tăng từ 65,00% lên 67,00%. Chênh lệch giữa giá trị mua thêm và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của AHS được mua thêm vào ngày giao dịch với số tiền là 2.080.610.632 VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	9.655.905.039	4.070.649.386
Tiền gửi ngân hàng	261.174.596.437	144.713.166.048
Các khoản tương đương tiền (*)	143.304.817.881	323.733.424.658
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>414.135.319.357</b>	<b>472.517.240.092</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,75%/năm đến 6,0%/năm.

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc trên sáu (6) tháng nhưng dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 6,0%/năm đến 11,5%/năm. Như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*, Tập đoàn đã dùng một phần khoản tiền gửi có kỳ hạn làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu khách hàng	944.311.372.032	1.401.389.990.078
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn</i>		
<i>Trung Nguyên – Nhà máy Cà phê Sài Gòn</i>	36.852.960.000	98.679.964.800
<i>Công ty Cổ phần Sữa Vitadairy Việt Nam</i>	32.811.733.860	96.825.070.729
<i>Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam</i>	20.359.150.229	160.510.795.011
<i>Các khách hàng khác</i>	854.287.527.943	1.045.374.159.538
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	370.625.388.144	350.454.210.899
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.314.936.760.176</b>	<b>1.751.844.200.977</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.838.789.106)	(16.127.349.506)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.309.097.971.070</b>	<b>1.735.716.851.471</b>

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*, Tập đoàn đã dùng một phần khoản phải thu khách hàng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN  
NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho người bán	134.400.904.375	153.964.590.120
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công     Nghiệp Viglacera Yên Mỹ</i>	57.154.416.040	57.154.416.040
<i>Meihua Group International Trading     (Hong Kong) Limited</i>	11.920.293.339	17.629.959.989
<i>SPX Flow Technology Singapore Pte Ltd</i>	-	16.988.304.114
<i>Các người bán khác</i>	65.326.194.996	62.191.909.977
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	6.257.143.750	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>140.658.048.125</b>	<b>153.964.590.120</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>87.810.076.718</b>	<b>73.369.235.299</b>
Ký quỹ	35.903.282.143	42.684.922.852
Lãi tiền gửi ngân hàng	28.068.291.270	10.786.515.844
Tạm ứng cho nhân viên	14.233.356.551	9.565.176.440
Khác	9.605.146.754	10.332.620.163
<b>Dài hạn</b>	<b>6.240.089.231</b>	<b>6.594.260.811</b>
Ký quỹ dài hạn	6.240.089.231	6.594.260.811
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>94.050.165.949</b>	<b>79.963.496.110</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên khác</i>	89.957.984.463	74.522.474.784
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	4.092.181.486	5.441.021.326

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Hàng hóa	1.532.691.167.417	1.754.916.153.499
Hàng đang đi trên đường	469.752.033.606	385.201.453.065
Thành phẩm	314.095.572.400	279.642.900.336
Nguyên vật liệu	251.988.749.672	272.005.244.920
Công cụ, dụng cụ	31.660.671.078	30.641.629.785
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	21.741.345.696	4.282.977.012
Hàng gửi đi bán	13.234.365.762	14.087.136.196
Thành phẩm từ gia công	-	40.783.986
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.635.163.905.631</b>	<b>2.740.818.278.799</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(59.222.647.164)	(69.370.140.986)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>2.575.941.258.467</b>	<b>2.671.448.137.813</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*, Tập đoàn đã dùng một phần hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

*Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:*

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Số đầu kỳ	69.370.140.986	35.631.185.683
Dự phòng trích lập trong kỳ	31.249.319.428	10.734.606.461
Hoàn nhập và sử dụng dự phòng trong kỳ	<u>(41.396.813.250)</u>	<u>(4.179.865.371)</u>
Số cuối kỳ	<u>59.222.647.164</u>	<u>42.185.926.773</u>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>18.157.719.723</b>	<b>12.146.707.888</b>
Phí bảo hiểm	4.316.209.929	2.752.451.131
Công cụ, dụng cụ	3.836.855.975	1.554.863.700
Chi phí thuê văn phòng	717.372.000	1.063.936.187
Khác	9.287.281.819	6.775.456.870
<b>Dài hạn</b>	<b>735.322.958.153</b>	<b>645.166.645.189</b>
Tiền thuê đất	684.088.063.480	604.007.311.150
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà kho	26.820.569.460	19.644.169.774
Công cụ, dụng cụ	18.836.567.634	11.033.102.419
Khác	<u>5.577.757.579</u>	<u>10.482.061.846</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>753.480.677.876</u></b>	<b><u>657.313.353.077</u></b>

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*, Tập đoàn đã dùng một phần quyền sử dụng đất thuê làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

# Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng và cho sản phẩm	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	819.136.640.925	824.348.266.691	169.381.389.711	44.532.456.732	977.375.000	2.405.226.978	1.860.781.356.037
Mua mới	-	4.409.011.218	1.140.000.000	295.030.582	-	-	5.844.041.800
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	43.429.738.963	1.222.034.000	-	-	-	-	44.651.772.963
Thanh lý	(5.812.410.533)	(3.371.073.390)	(2.237.719.764)	-	-	-	(8.050.130.297)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(3.371.073.390)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	862.566.379.888	820.795.827.986	168.283.669.947	44.827.487.314	977.375.000	2.405.226.978	1.899.855.967.113
<b>Trong đó:</b>							
Đã khấu hao hết	35.487.307.420	106.052.137.181	61.296.516.152	6.892.142.753	-	1.869.670.119	211.597.773.625
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(153.453.757.838)	(318.465.528.935)	(102.514.721.997)	(15.678.500.165)	(160.755.134)	(2.271.012.816)	(592.544.276.885)
Khấu hao trong kỳ	(19.562.338.186)	(31.667.726.242)	(7.483.784.804)	(2.151.365.942)	(13.360.798)	(28.265.618)	(60.906.841.590)
Thanh lý	-	2.796.513.086	1.220.905.135	-	-	-	4.017.418.221
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	(173.016.096.024)	(347.336.742.091)	(108.777.601.666)	(17.829.866.107)	(174.115.932)	(2.299.278.434)	(649.433.700.254)
<b>Giá trị còn lại</b>							
Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2022	665.682.883.087	505.882.737.756	66.866.667.714	28.853.956.567	816.619.866	134.214.162	1.268.237.079.152
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	689.550.283.864	473.459.085.895	59.506.068.281	26.997.621.207	803.259.068	105.948.544	1.250.422.266.859
<b>Trong đó:</b>							
Đã thế chấp (Thuyết minh số 19)	349.553.711.407	274.054.370.405	10.345.441.209	227.498.291	795.993.750	-	634.977.015.062

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	34.749.027.604	6.687.193.753	41.436.221.357
Mua mới	-	265.000.000	265.000.000
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	641.204.350	641.204.350
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>34.749.027.604</u>	<u>7.593.398.103</u>	<u>42.342.425.707</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	3.691.271.822	3.691.271.822
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(6.371.086.202)	(4.032.185.792)	(10.403.271.994)
Hao mòn trong kỳ	(1.043.508.666)	(377.673.540)	(1.421.182.206)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>(7.414.594.868)</u>	<u>(4.409.859.332)</u>	<u>(11.824.454.200)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>28.377.941.402</u>	<u>2.655.007.961</u>	<u>31.032.949.363</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>27.334.432.736</u>	<u>3.183.538.771</u>	<u>30.517.971.507</u>

Tập đoàn đã sử dụng Quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (*Thuyết minh số 19*).

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Mua sắm tài sản	68.655.956.712	26.722.681.347
Chi phí xây dựng nhà máy mới (*)	53.913.834.961	43.483.080.071
Chi phí phát triển phần mềm	853.717.767	733.532.526
Khác	395.800.000	395.800.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>123.819.309.440</b></u>	<u><b>71.335.093.944</b></u>

(\*) Số dư này thể hiện chi phí xây dựng Nhà máy Chế biến Dừa Á Châu Giai đoạn 2, tại Lô EI-2, EI-3 và EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre; dự án nhà máy Glucose tại Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An; và dự án kho lạnh tại Lô G7, Đường số 6, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**14.1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	TVH	Nature ACH	ACI	VND Tổng cộng
<b>Giá trị đầu tư</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	13.839.090.909	1.800.000.000	215.704.000.000	231.343.090.909
<b>Phân lũy kế lãi (lỗ) sau khi liên doanh/mua các công ty liên doanh, liên kết</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(1.224.876.246)	1.208.803.109	994.165.148	978.092.011
Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	(768.833.582)	436.468.240	496.187.395	163.822.053
Trong đó: Lãi (lỗ) được chia trong kỳ	(768.833.582)	436.468.240	496.187.395	163.822.053
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	(1.993.709.828)	1.645.271.349	1.490.352.543	1.141.914.064
<b>Giá trị còn lại</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	12.614.214.663	3.008.803.109	216.698.165.148	232.321.182.920
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	11.845.381.081	3.445.271.349	217.194.352.543	232.485.004.973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**14.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Trái phiếu</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (*)	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Bảo hiểm nhân thọ</b>	<b>600.056.000</b>	<b>300.028.000</b>
Bảo hiểm nhân thọ tại Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Aviva Việt Nam (**)	600.056.000	300.028.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.100.056.000</u></b>	<b><u>1.800.028.000</u></b>

(\*) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu như sau:

50 Trái phiếu có kỳ hạn 10 năm kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2019, hưởng lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 1.2%/năm, trả sau. Lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân bằng VND, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất. Phương thức trả lãi một năm/lần. Mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu;

5.000 Trái phiếu có kỳ hạn 8 năm kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2020, hưởng lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 0.9%/năm, trả sau. Lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân bằng VND, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất. Phương thức trả lãi một năm/lần. Mệnh giá trái phiếu là 100.000 VND/trái phiếu. Tập đoàn đã sử dụng số trái phiếu này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19);

5.000 Trái phiếu có kỳ hạn 8 năm kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2020, hưởng lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 1%/năm, trả sau. Lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân bằng VND, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất. Phương thức trả lãi một năm/lần. Mệnh giá trái phiếu là 100.000 VND/trái phiếu. Tập đoàn đã sử dụng số trái phiếu này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19).

(\*\*) Tập đoàn đã mua bảo hiểm nhân thọ cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty để đáp ứng điều kiện cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An. Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ này có kỳ hạn trả gốc năm (5) năm và hưởng lãi suất cố định hàng năm tới năm thứ mười sáu (16).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả bên khác	1.056.257.315.164	863.469.195.721
<i>Firmenich Asia Private Limited</i>	131.619.925.806	73.768.152.970
<i>Givaudan Singapore Pte Ltd</i>	120.115.472.098	67.474.849.819
<i>Open Country Dairy Limited</i>	93.213.679.650	43.762.921.891
<i>James Farrell &amp; Co</i>	81.844.796.150	25.387.572.748
<i>Gelnex Industria E Comercio Ltda</i>	60.769.636.250	17.229.408.000
<i>Công ty TNHH Givaudan Việt Nam</i>	54.572.150.257	75.330.406.122
<i>DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte Ltd.</i>	39.434.681.764	56.105.030.972
<i>Người bán khác</i>	474.686.973.189	504.410.853.199
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	2.621.116.575	3.860.165.818
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.058.878.431.739</u></b>	<b><u>867.329.361.539</u></b>

**15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bên khác	27.859.859.201	21.930.133.337
<i>Guangxi Chuangjian Food Science &amp; Technology Co.,Ltd</i>	1.993.878.600	3.666.562.386
<i>Người mua khác</i>	25.865.980.601	18.263.570.951
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	-	145.267.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>27.859.859.201</u></b>	<b><u>22.075.400.837</u></b>

## Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	Thanh lý công ty con	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
						VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.900.529.363	91.253.278.594	(68.118.992.829)	(21.838.234)	-	56.012.976.894
Thuế thu nhập cá nhân	8.439.201.650	39.724.003.396	(46.420.673.982)	-	-	1.742.531.064
Thuế giá trị gia tăng	(6.924.293.326)	350.623.806.207	(343.392.180.216)	-	-	307.332.665
Thuế nhập khẩu	8.299.418.583	71.969.612.674	(80.627.791.738)	-	-	(358.760.481)
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	14.099.112	(14.099.112)	-	-	-
Thuế môn bài	-	47.000.000	(47.000.000)	-	-	-
Thuế khác	-	147.572.288	(147.572.288)	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.714.856.270</b>	<b>553.779.372.271</b>	<b>(538.768.310.165)</b>	<b>(21.838.234)</b>	<b>-</b>	<b>57.704.080.142</b>
Trong đó:						
Thuế phải nộp	51.905.557.784					60.831.009.171
Thuế nộp thừa	(9.190.701.514)					(3.126.929.029)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Lương tháng 13 và thưởng	43.514.847.739	123.175.102.187
Chi phí hỗ trợ bán hàng	39.683.899.627	11.137.204.849
Lãi vay	8.867.458.743	13.501.654.192
Khác	20.052.123.037	3.047.465.566
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>112.118.329.146</b>	<b>150.861.426.794</b>

**18. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	157.130.912.353	126.902.903.388
Trích lập quỹ	10.396.912.879	13.760.872.437
Sử dụng quỹ	(387.260.000)	(454.477.188)
Số cuối kỳ	<u>167.140.565.232</u>	<u>140.209.298.637</u>

**19. VAY**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.700.713.030.137</b>	<b>1.881.828.374.836</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	1.676.846.015.287	1.864.376.229.200
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	23.867.014.850	17.452.145.636
<b>Vay dài hạn</b>	<b>74.289.737.533</b>	<b>34.904.291.251</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	74.289.737.533	34.904.291.251
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.775.002.767.670</b>	<b>1.916.732.666.087</b>

Tình hình tăng, giảm các khoản vay như sau:

	VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.881.828.374.836	34.904.291.251	1.916.732.666.087
Tiền thu từ đi vay	3.101.345.516.645	54.526.388.314	3.155.871.904.959
Vay dài hạn đến hạn trả	15.140.942.032	(15.140.942.032)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	<u>(3.297.601.803.376)</u>	-	<u>(3.297.601.803.376)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>1.700.713.030.137</u>	<u>74.289.737.533</u>	<u>1.775.002.767.670</u>

## Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 19. VAY (tiếp theo)

#### 19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Tập đoàn sử dụng các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	USD			
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	536.578.212.466	-	Từ ngày 7 tháng 3 năm 2023 đến ngày 27 tháng 10 năm 2023	6,0 – 8,0	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 35, Lô K4B, Ấp Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; Hàng hóa trong kho trị giá 495.000.000.000 VND; phải thu khách hàng trị giá 495.000.000.000 VND
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	338.398.276.212	-	Từ ngày 10 tháng 4 năm 2023 đến ngày 25 tháng 9 năm 2023	5,0 – 7,1	Hàng hóa hoặc hàng tồn kho trị giá 580.000.000.000 VND; các khoản phải thu khách hàng (không bao gồm các khoản phải thu từ Vinamilk) trị giá 330.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	220.362.141.593	-	Từ ngày 17 tháng 1 năm 2023 đến ngày 8 tháng 1 năm 2024	4,0 – 9,0	Quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình, và hàng tồn kho theo danh mục tại thời điểm báo cáo, 5.000 Trái phiếu phát hành bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam trị giá 1.000.000.000 VND; Hợp đồng tiền gửi trị giá 50.000.000.000 VND
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn Bank - Chi nhánh TP.HCM	201.807.137.213	-	Từ ngày 8 tháng 3 năm 2023 đến ngày 7 tháng 9 năm 2023	4,5 – 8,2	Hàng hóa trong kho trị giá 195.000.000.000 VND; khoản phải thu khách hàng trị giá 195.000.000.000 VND.
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	26.105.984.325 50.274.486.000	- 2.143.000,0	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2023 đến ngày 20 tháng 9 năm 2023	3,6 – 7,5	Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam- Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	64.647.400.000	2.736.000,0	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2023 đến ngày 27 tháng 9 năm 2023	4,2 - 4,6	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị 73.500.000.000 VND

## Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 19. VAY (tiếp theo)

#### 19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	USD			
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	60.597.817.526	-	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2023 đến ngày 30 tháng 10 năm 2023	5,5 - 6,5	Hàng hóa hoặc hàng tồn kho trị giá 35.000.000.000 VND; các khoản phải thu khách hàng (không bao gồm các khoản phải thu từ Vinamilk, Unilever, Mondelez Kinh Đô) trị giá 35.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	48.821.877.911	-	Từ ngày 1 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 10 năm 2023	4,2	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị 20.000.000.000 VND, hàng tồn kho có giá trị tối thiểu là 30.000.000.000 VND.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam)	40.241.469.510	-	Từ ngày 13 tháng 4 năm 2023 đến ngày 22 tháng 9 năm 2023	6,45 - 7,0	Khoản phải thu luân chuyển có giá trị tối thiểu là 20.000.000.000 VND; Hàng tồn kho luân chuyển có giá trị tối thiểu là 40.000.000.000 VND.
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	37.318.584.106	-	Từ ngày 8 tháng 6 năm 2023 đến ngày 17 tháng 10 năm 2023	6,25 - 6,3	Hàng hóa hoặc hàng tồn kho trị giá 2.500.000 USD; Các khoản phải thu khách hàng (không bao gồm các khoản phải thu từ Vinamilk) trị giá 2.500.000 USD
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	26.338.290.000	1.115.000,0	Từ ngày 20 tháng 4 năm 2023 đến ngày 12 tháng 9 năm 2023	4,2 - 4,3	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị 25.000.000.000 VND
HSBC Limited – Singapore Branch	17.050.146.738	723.383,4	Từ ngày 23 tháng 3 năm 2023 đến ngày 21 tháng 7 năm 2023	6,0	Khoản phải thu khách hàng (không bao gồm các khoản phải thu từ Vinamilk) trị giá 10.000.000 USD
MUFG Bank, Ltd.- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	8.304.191.687	-	Từ ngày 09 tháng 06 năm 2023 đến ngày 27 tháng 7 năm 2023	5,97 - 6,36	Khoản phải thu từ Vinamilk trị giá 8.304.191.687 VND
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.676.846.015.287</b>	<b>6.717.383,4</b>			

## Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 19. VAY (tiếp theo)

#### 19.2 Khoản vay ngắn hạn dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngắn hạn như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	<u>98.156.752.383</u>	Từ ngày 20 tháng 10 năm 2020 đến ngày 16 tháng 3 năm 2028	7,89 - 9,9	Tài trợ Quyền sử dụng đất và xây dựng nhà kho	Quyền sử dụng Thửa đất số 151A, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Trong đó:					
Vay dài hạn	74.289.737.533				
Vay dài hạn đến hạn trả	23.867.014.850				

## Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022:</b>							
Ngày 31 tháng							
12 năm 2021	1.706.012.980.000	174.000.000.000	(476.507.567)	29.884.223.256	1.443.285.073.129	780.052.343.952	4.132.758.112.770
Tăng vốn điều lệ công ty con	-	-	-	-	-	32.917.000.000	32.917.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	401.017.349.518	60.818.460.615	461.835.810.133
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(13.257.289.374)	(503.583.063)	(13.760.872.437)
Cổ tức công bố Thanh lý	-	-	-	-	-	(31.803.158.000)	(31.803.158.000)
Công ty con Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	-	(138.540.955.976)	(138.540.955.976)
Chênh lệch do chuyển đổi sang VND	-	-	2.505.891.830	-	(23.518)	23.518	-
						95.187.232	2.601.079.062
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	1.706.012.980.000	174.000.000.000	2.029.384.263	29.884.223.256	1.831.045.109.755	703.035.318.278	4.446.007.015.552

## Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:</b>							
Ngày 31 tháng							
12 năm 2022	1.706.012.980.000	174.000.000.000	1.657.375.939	29.884.223.256	2.080.443.263.208	757.272.370.027	4.749.270.212.430
Lợi nhuận thuần	-	-	-	-	328.441.353.851	65.762.612.140	394.203.965.991
trong kỳ							
Trích lập quỹ khen thưởng,							
phúc lợi	-	-	-	-	(10.016.434.878)	(380.478.001)	(10.396.912.879)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(4.206.804.000)	(4.206.804.000)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con							
Trích lập quỹ từ thiện	-	-	-	-	(1.873.822.169)	(71.177.831)	(1.945.000.000)
Chênh lệch do chuyển đổi sang VND	-	-	(247.096.668)	-	-	(9.386.059)	(256.482.727)
Ngày 30 tháng							
6 năm 2023	1.706.012.980.000	174.000.000.000	1.410.279.271	29.884.223.256	2.394.912.456.341	811.749.039.947	5.117.968.978.815



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000

**20.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	170.601.298	170.601.298

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**20.4. Lãi trên cổ phiếu**

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty	328.441.353.851	401.017.349.518
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi; Quỹ từ thiện (*)	(11.890.257.047)	(13.257.289.374)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	316.551.096.804	387.760.060.144
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	170.601.298	170.601.298
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.856</b>	<b>2.273</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.856</b>	<b>2.273</b>
<i>(Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)</i>		

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ từ thiện dự kiến cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 trích lập với tỷ lệ 5% và 1% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01.23/NQCB/ACC ngày 29 tháng 5 năm 2023 của ACC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.4. Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>5.766.535.340.188</b>	<b>6.155.524.635.759</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	4.307.389.944.503	4.511.478.104.005
Doanh thu bán thành phẩm	1.457.281.828.489	1.642.168.460.835
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.863.567.196	1.878.070.919
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(41.559.206.564)</b>	<b>(10.876.131.780)</b>
Hàng bán bị trả lại	(39.439.528.683)	(8.661.956.693)
Chiết khấu thương mại	(1.366.423.617)	(2.143.261.247)
Giảm giá hàng bán	(753.254.264)	(70.913.840)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>5.724.976.133.624</b>	<b>6.144.648.503.979</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	4.269.922.891.531	4.503.627.900.700
Doanh thu bán thành phẩm	1.453.189.674.897	1.639.142.532.360
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.863.567.196	1.878.070.919

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lãi tiền gửi	33.189.771.601	28.532.208.600
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	32.838.016.338	17.530.201.356
Lãi thanh lý công ty con	-	19.079.821.717
Lãi trái phiếu	-	2.696.053.743
Khác	255.998.715	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>66.283.786.654</b>	<b>67.838.285.416</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá vốn hàng hóa đã bán	3.791.430.729.876	3.936.045.136.652
Giá vốn thành phẩm đã bán (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.068.568.879.711 <u>(9.888.200.236)</u>	1.227.199.264.580 <u>10.025.630.988</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.850.111.409.351</u></b>	<b><u>5.173.270.032.220</u></b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi vay ngân hàng	70.013.300.441	41.393.731.012
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.148.506.452	9.200.139.416
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>76.161.806.893</u></b>	<b><u>50.593.870.428</u></b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>166.968.342.807</b>	<b>193.012.184.702</b>
Chi phí vận chuyển	49.272.614.452	65.985.502.746
Chi phí hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi và môi giới	47.648.537.245	59.264.757.026
Chi phí lương	34.219.977.068	34.165.186.525
Khác	35.827.214.042	33.596.738.405
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>215.783.800.393</b>	<b>243.900.827.735</b>
Chi phí lương	103.859.089.508	142.432.039.898
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	23.557.336.276	15.893.283.672
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, thuê đất	17.383.281.797	20.803.941.853
Khác	70.984.092.812	64.771.562.312
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>382.752.143.200</u></b>	<b><u>436.913.012.437</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>6.221.327.104</b>	<b>9.171.268.039</b>
Tiền bồi thường từ nhà cung cấp	4.481.724.679	296.472.662
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ việc bán tài sản dài hạn nội bộ được thực hiện trong năm nay khi thanh lý công ty con	-	4.916.498.074
Khác	1.739.602.425	3.958.297.303
<b>Chi phí khác</b>	<b>(2.046.370.567)</b>	<b>(809.490.795)</b>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	(1.252.209.576)	(206.007.574)
Tiền bồi thường phải trả khách hàng	(531.162.850)	-
Khác	(262.998.141)	(603.483.221)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>4.174.956.537</b>	<b>8.361.777.244</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí mua hàng hóa	3.764.514.458.976	3.937.122.952.125
Chi phí mua nguyên vật liệu	938.244.396.676	1.062.926.322.846
Chi phí nhân công	185.347.244.263	222.885.857.266
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	62.328.023.796	54.064.034.106
Chi phí khác	282.429.428.840	333.183.878.314
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.232.863.552.551</b>	<b>5.610.183.044.657</b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con thành lập tại Việt Nam là 20% thu nhập chịu thuế.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho ACC PTE thành lập tại Singapore là 17% thu nhập chịu thuế và được hưởng các khoản ưu đãi thuế theo luật thuế hiện hành.

APIS được miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho APIS trong 4 năm tiếp theo đối với hoạt động sản xuất liên quan đến dự án đầu tư mới tại Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A. Trường hợp dự án đầu tư mới không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư kể từ năm dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu (năm 2020).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động chính của AFI là 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm đầu tiên kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2008) và theo mức thuế suất hiện hành trong các năm tiếp theo. Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động khác là 20% thu nhập chịu thuế. AFI được miễn thuế TNDN đối với các hoạt động chính trong ba năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2012), và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho AFI trong 7 năm tiếp theo. Đối với dự án đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, Công ty được miễn thuế 2 năm tính từ năm 2021, và được giảm 50% số thuế phải nộp 4 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động chính của ACP là 17% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế (năm 2017) và theo mức thuế suất hiện hành trong các năm tiếp theo. ACP được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2018) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho 4 năm tiếp theo.

AHS được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với dự án Nhà máy chế biến tinh bột sắn tại mức thuế suất 10% thu nhập chịu thuế trong 15 năm. AHS được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2018) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho AHS trong 9 năm tiếp theo. AHS có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất phổ thông hiện hành là 20% trên thu nhập chịu thuế từ bán các hoạt động khác. Đối với dự án đầu tư mở rộng quy mô sản xuất (nhà máy sản xuất đường lỏng Glucose), Công ty được miễn thuế 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2021), và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại.

Báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ phải chịu sự kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	91.253.278.594	97.466.251.440
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.116.094.839	1.254.924.588
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>92.369.373.433</b>	<b>98.721.176.028</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>486.573.339.424</b>	<b>560.556.986.161</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	95.045.322.351	107.736.860.934
<i>Điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	8.527.093.150	4.377.396.492
Các khoản dự phòng	(512.678.776)	631.938.177
Khấu hao và hao mòn của tài sản được đánh giá lại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	565.785.070	609.641.204
Thuế được miễn giảm của công ty con	(13.564.936.385)	(17.623.814.543)
Lỗ thuế năm trước chuyển sang	(695.639)	-
Lỗ thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	2.280.777.709	1.203.719.523
Khác	28.705.953	1.785.434.241
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>92.369.373.433</b>	<b>98.721.176.028</b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

VND

	<i>Bảng cân đối</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
	<i>năm 2023</i>	<i>năm 2022</i>	<i>sáu tháng</i>	<i>sáu tháng</i>
			<i>kết thúc ngày</i>	<i>kết thúc ngày</i>
			<i>30 tháng 6</i>	<i>30 tháng 6</i>
			<i>năm 2023</i>	<i>năm 2022</i>
Chênh lệch phát sinh do đánh giá lại tài sản từ hợp nhất công ty con	(23.650.367.531)	(23.633.043.338)	(17.324.193)	-
Các khoản dự phòng	1.146.064.840	2.666.665.360	(1.520.600.520)	(1.561.329.373)
Lãi chưa thực hiện	2.852.514.828	2.493.407.900	359.106.928	306.404.785
Chi phí trích trước	219.610.557	114.825.989	104.784.568	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	42.061.622	(42.061.622)	-
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần</b>	<b>(19.432.177.306)</b>	<b>(18.316.082.467)</b>		
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b>(1.116.094.839)</b>	<b>(1.254.924.588)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.4 Lỗi chuyển sang năm sau**

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 liên tục năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có khoản lỗ thuế lũy kế là 39.500.077.796 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 28.102.370.146 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế	VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2023	Không được chuyển lỗ tháng 6 năm 2023	Chưa chuyển lỗ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>AIG</b>					
2018	2023	3.042.274.999 (*)	(3.042.274.999)	-	-
2019	2024	37.869.984.009 (*)	(14.555.502.539)	-	23.314.481.470
2020	2025	1.634.599.571 (*)	-	-	1.634.599.571
2023	2028	11.401.185.844 (*)	-	-	11.401.185.844
<b>AFC</b>					
2018	2023	2.150.059.862 (*)	(3.478.194)	-	2.146.581.668
2019	2024	750.184.509 (*)	-	-	750.184.509
2021	2026	62.061.861 (*)	-	-	62.061.861
2022	2027	190.982.873 (*)	-	-	190.982.873
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>57.101.333.528</b>	<b>(17.601.255.732)</b>	<b>-</b>	<b>39.500.077.796</b>

(\*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty mẹ và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ thuế trị giá 39.500.077.796 VND do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và có giao dịch trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH ("Nature ACH")	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng	Công ty chung cổ đông lớn với công ty con
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Cổ đông lớn của công ty con
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lars Kjaer	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phan Duy Hiếu	đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 Cổ đông, Thành viên HĐQT đến ngày 30 tháng 6 năm 2023; Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc tại công ty con
Ông Bùi Quang Nam	Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Mai Xuân Trâm	Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 26 tháng 2 năm 2023
Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Đoàn Minh Quân	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thảo	đến ngày 12 tháng 5 năm 2023 Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Việt Hùng	Cổ đông lớn, thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Giám đốc của công ty con
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Cổ đông lớn

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn trong kỳ với các bên liên quan như sau:

<i>VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Cổ đông lớn của công ty con	Bán hàng hóa Mua hàng hóa Sử dụng dịch vụ gia công hàng hóa	1.156.100.748.679 4.785.540.750 -	1.243.353.570.651 - 42.466.812.234
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Cổ đông lớn	Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	107.852.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn trong kỳ với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng	Công ty chung cổ đông lớn với công ty con	Mua hàng hóa Bán hàng hóa	201.386.555.250 8.614.179.000	54.713.816.000 8.795.648.000
Ông Nguyễn Việt Hùng	Cổ đông lớn, thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Giám đốc của công ty con	Vay Trả gốc vay	- -	12.000.000.000 12.000.000.000
Ông Phan Duy Hiếu	Cổ đông, Thành viên HĐQT đến ngày 30 tháng 6 năm 2023; Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc tại công ty con	Nhận chuyển nhượng cổ phần	8.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	888.395.000	924.320.000
Công ty Cổ phần Táo Vĩnh Hảo	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	490.410.000	920.500.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Cổ đông lớn của công ty con	Bán hàng hóa	368.186.614.187	347.266.562.842
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng	Công ty chung cổ đông lớn với công ty con	Bán hàng hóa	1.734.724.000	2.981.215.000
Công ty Cổ phần Sinh Phẩm Nature ACH	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	704.049.957	206.433.057
			<b>370.625.388.144</b>	<b>350.454.210.899</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng	Công ty chung cổ đông lớn với công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	6.257.143.750	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Ông Nguyễn Việt Hùng	Cổ đông lớn, thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Giám đốc của công ty con	Tạm ứng	3.071.080.000	3.071.080.000
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Công ty liên doanh	Chi hộ	1.021.101.486	431.701.746
			<b>4.092.181.486</b>	<b>3.502.781.746</b>
<b>Phải thu dài hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Sửa Việt Nam	Cổ đông lớn của công ty con	Đặt cọc thuê văn phòng	-	1.938.239.580
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Công ty liên doanh	Bán hàng hóa	-	145.267.500
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng	Công ty chung cổ đông lớn với công ty con	Mua hàng	2.211.062.250	3.417.681.500
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	Công ty liên kết	Mua hàng	212.400.000	-
Công ty Cổ phần Sửa Việt Nam	Cổ đông lớn của công ty con	Mua hàng	197.654.325	442.484.318
			<b>2.621.116.575</b>	<b>3.860.165.818</b>
<b>Doanh thu chưa thực hiện</b>				
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Công ty liên doanh	Doanh thu nhận trước	1.080.000.000	1.260.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Hội Đồng Quản Trị</b>		
Thù lao	810.000.000	1.064.746.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	398.398.000	853.995.998
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao	66.000.000	66.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.274.398.000</b>	<b>1.984.741.998</b>

**29. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Dưới 1 năm	13.122.679.998	15.619.715.741
Từ 1 đến 5 năm	15.324.598.954	18.053.759.640
Trên 5 năm	89.199.312.230	89.078.917.873
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>117.646.591.182</b>	<b>122.752.393.254</b>

**30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Vũ Minh Đức  
Người lập




Nguyễn Thảo  
Kế toán trưởng

Trần Việt Hùng  
Tổng Giám đốc



Ngày 25 tháng 8 năm 2023